TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ - ST
Ngày 18-10-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lò Văn Ơn
2. Bà: Bạc Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Mạnh Hà – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

Ngày 18/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/TLST – HNGĐ ngày 22/8/2019 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L; SN: 1989.
Trú tại: Đội 14, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
Bị đơn: Anh Lò Anh Nh; SN: 1984.
Trú tại: Bản U, Đội C, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Chị L có mặt, anh Nh vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 và lời khai trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Anh Nh lấy nhau năm 2004, hai bên chỉ cưới theo phong tục, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Chị L và anh Nh đã ly thân từ năm 2010 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn chị L xin ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Chị Lan và anh Nh có 01 con chung là cháu Lò Anh Nh, sinh ngày 26/5/2008. Vợ chồng ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L không đề nghị tòa giải quyết.

Về tài sản: Tài sản chung, Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị L khai nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 26/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lò Anh Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Anh Nh công nhận anh và chị L lấy nhau năm 2004, hai bên chỉ cưới theo phong tục, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nh cũng thừa nhận do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh Nh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như ý kiến của chị L. Quan điểm của anh Nh đồng ý với ý kiến của chị L và việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Nh thừa nhận tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương không có như ý kiến của chị L

Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, chị L và anh Nh thống nhất được với nhau về việc giải quyết ly hôn, nuôi dưỡng con, tài sản và án phí nhưng do chị L và anh Nh lấy nhau không đăng ký kết hôn. Do vậy Tòa án phải tiến hành xét xử để không công nhận quan hệ hôn nhân của chị L và anh Nh.

Ngày 24/9/2019, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228/BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nh.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện, không có ý kiến bổ sung. Anh Nh có đơn xin giải quyết vắng mặt trong đơn anh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai và tại buổi đối thoại kiểm tra chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị L, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án: Ly hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Nh có hộ khẩu thường trú tại xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị L và anh Nh lấy nhau năm 2004 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nh lấy nhau năm 2004 chỉ cưới theo phong tục không đăng ký kết hôn. Chị L và anh Nh đều thừa nhận hai bên kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống do tính tình hai bên không hợp nhau. Chị L và anh Nh đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Hiện tại chị L và anh Nh đã không còn tình cảm với nhau. Nay chị L xin ly hôn anh Nh đồng ý. Tuy nhiên do chị L và anh Nh lấy nhau không đăng ký kết hôn vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị L và anh Nh đều đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị L và anh Nh là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Chị L và anh Nh có 01 con chung là cháu Lò Anh Nh sinh ngày 26/5/2008. Vợ chồng ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chị L và anh Nh ly thân, cháu Nh do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 22/8/2019, cháu Nh có nguyện vọng được ở với mẹ. Quan điểm giải quyết việc nuôi con của chị L và anh Nh phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh nên giao cháu Nh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu và phù hợp với quy định tại Điều 15, Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh Nh không đề nghị tòa giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về tài sản: Tài sản chung, Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương chị L và anh Nh đều công nhận không có do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị L phải chịu 300.000 đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82 ; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị L phải chịu 300.000 đ án phí Dân sự sơ thẩm.

1. Tuyên xử: Không công nhận chị Lò Thị L và anh Lò Anh Nh là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Lò Anh Nh, sinh ngày 26/5/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh Nh không đề nghị tòa giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tài sản chung, Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003241, ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Chị L đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/10/2019. Anh Nh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lò Văn Ơn	**Đỗ Thu Hương**	**Bạc Thị Kiên**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thu Hương